

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2021.
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
Chia tài sản chung, nợ chung khi ly
hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1- Ông Phan Ngọc Thạch;
- 2- Ông Hoàng Ngọc P.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 823/2020/TLST-HNGĐ ngày 28-12-2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm P, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 4, ấp Con Trăn, xã TH, huyện TC, tỉnh TN. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Thị R, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ 3, ấp Con Trăn, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lâm E, sinh năm 1952; nơi cư trú: Tổ 4, ấp Con Trăn, xã TH, huyện TC, tỉnh TN. Có đơn yêu cầu vắng mặt.

2/ Ông Lâm A, sinh năm 1973 và bà Thị Đ, sinh năm 1973; cùng nơi cư trú: Tổ 4, ấp Con Trăn, xã TH, huyện TC, tỉnh TN. Có đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2021, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lâm P trình bày:

Ông P và bà R chung sống vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27 ngày 03-4-2008. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bà Thị R không quan tâm chăm sóc chồng, vợ chồng không thương yêu nhau dẫn đến thường hay gây gổ, cãi nhau; ly thân từ tháng 5-2020. Ông P không thể chung sống với bà Thị R. Về hôn nhân: Ông P yêu cầu ly hôn với bà Thị R.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lâm Rươn, sinh ngày 14-02-2005, Thị Đươn, sinh ngày 18-8-2002. Ông P yêu cầu giao con chung tên Lâm Rươn, sinh ngày 14-02-2005 cho bà Thị R trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; ông P không cấp dưỡng nuôi con; con chung tên Thị Đươn, sinh ngày 18-8-2002 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2021, ông P yêu cầu chia tài sản chung 01 căn nhà cấp 4 xây năm 2014, 01 căn nhà bán tạp hóa xây năm 2017, 01 căn nhà gỗ làm năm 2017 trên đất của ông Lâm Đức cha của chị Thị R; 01 bộ bàn ghế gỗ hương; 01 giường gỗ căm xe; 01 giường gỗ lim và gỗ hương; 02 bàn trang điểm; 01 tủ để tivi gỗ lim; 01 tivi hiệu Samsung 43in; Hợp đồng trồng rừng với ban quản lý khu rừng Phòng hộ Dầu Tiếng huyện Tân Châu ngày 15-7-2011 với diện tích đất 2,4ha thuộc số hiệu lô D, khoảnh 12, tiểu khu 37, mô hình DCs1, trên đất trồng cao su, sao, dầu từ năm 2011; 1,8ha thuộc số hiệu lô C, khoảnh 2, tiểu khu 47, mô hình DCs1, trên đất trồng cao su, sao, dầu từ năm 2011; Hợp đồng trồng rừng với ban quản lý khu rừng Phòng hộ Dầu Tiếng huyện Tân Châu ngày 15-01-2014 với diện tích đất 0,4ha thuộc số hiệu lô n, khoảnh 01, tiểu khu 44, mô hình DCs1; với diện tích đất 0,7ha thuộc số hiệu lô g, khoảnh 01, tiểu khu 44, mô hình DCs1; với diện tích đất 1,7ha thuộc số hiệu lô h, khoảnh 04, tiểu khu 44, mô hình DCs1, trên đất trồng cao su, sao, dầu từ năm 2014; Hợp đồng trồng rừng với ban quản lý khu rừng Phòng hộ Dầu Tiếng huyện Tân Châu ngày 31-12-2019 với diện tích đất 1,1ha thuộc số hiệu lô 21, khoảnh 01, tiểu khu 44, mô hình DCs1, trên đất trồng cao su, sao, dầu từ năm 2019. Ông P yêu cầu chia đôi tài sản chung.

Ngày 10-5-2021, ông P rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2021 ông P yêu cầu: Nợ ông Lâm A 50.000.000 đồng do nhờ ông Lâm A vay Ngân hàng Nông nghiệp và phá triển nông thôn huyện Tân Châu; nợ ông Lâm E 35.000.000 đồng. Ngày 10-5-2021, ông P rút yêu cầu khởi kiện về chia nợ chung không yêu cầu giải quyết về nợ chung.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Thị R trình bày:

Bà Thị R thống nhất với lời trình bày của ông P về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Riêng về mâu thuẫn gia đình: Do ông P có tình cảm với người khác tên Thị Nách nên tự bỏ đi, vợ chồng không cãi nhau, không mâu thuẫn gì, hiện bà Thị R còn thương chồng muốn vợ chồng cùng chăm lo cho con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông P.

Về nuôi con chung: Nếu ly hôn bà Thị R đồng ý trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lâm Rươn, sinh ngày 14-02-2005; không yêu

cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung; con chung tên Thị Đươn, sinh ngày 18-8-2002 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 15 tháng 3 năm 2021 bà Thị R yêu cầu bổ sung đối với tài sản: Diện tích đất khoảng 01 ha thuộc khoảnh 13, tiểu khu 43, trên đất trồng cao su, từ năm 2007, đất tọa lạc tại **ấp Con Trăn, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh**, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà thị R không nộp tiền tạm ứng án phí. Ngày 22-3-2021, bà Thị R rút yêu cầu khởi kiện bổ sung về chia tài sản chung.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lâm E trình bày: Ông Lâm E là cha của anh Lâm P. Ông P không sống chung với bà Thị R về nhà cha mẹ là ông Lâm E sống. Ông P bị bệnh không có tiền điều trị nên từ đầu tháng 7 năm 2020, ông Lâm E cho ông Lâm P vay tiền nhiều lần, tổng cộng là 35.000.000 đồng, không viết giấy nợ, bà Thị R không biết. Ông Lâm P, bà Thị R ly hôn nên ông Lâm E yêu cầu ông P bà Thị R có trách nhiệm trả cho ông số tiền 35.000.000 đồng không yêu cầu trả tiền lãi.

Ngày 04-6-2021, ông Lâm E rút yêu cầu khởi kiện độc lập.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lâm A và bà Thị Đ trình bày: Ông P là em ruột của ông Lâm A. Ngày 06-12-2019, ông Lâm A và bà Thị Đ cho ông P và bà Thị R vay tiền, số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 11,5%/năm, nguồn gốc của tiền do ông Lâm A, bà Thị Đ vay ngân hàng Nông nghiệp và PhA triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Tân Châu. Ông P, bà Thị R đã trả 50.000.000 đồng, còn nợ 50.000.000 đồng. Ông Lâm P, bà Thị R ly hôn nên ông Lâm A và bà Thị Đ yêu cầu ông P, bà Thị R có trách nhiệm trả số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất 11,5%/năm kể từ ngày 06-12-2019, tạm tính là 15 tháng ($50.000.000 \text{ đồng} \times 0,96\% \times 15 \text{ tháng} = 7.200.000 \text{ đồng}$), tổng cộng 57.200.000 đồng.

Ngày 04-6-2021, ông Lâm A và bà Thị Đ rút yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu phA biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ông Lâm A và bà Đ, ông Lâm E là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lâm A, bà Thị Đ, ông Lâm E là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **Lâm P**. Ông **Lâm P** được ly hôn với bà **Thị R**.

2. Về nuôi con chung: Ông Lâm P giao con chung tên Lâm Rươn, sinh ngày

14-02-2005 cho bà Thị R trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị bà Thị R không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Ông P có quyền đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Con chung tên Thị Đươn, sinh ngày 18-8-2002 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông **Lâm P** và bà **Thị R** không yêu cầu giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung của ông lâm P.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Lâm E.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Lâm A và bà Thị Đ.

4. Về án phí: Ông **Lâm P** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền kháng cáo: Ông **Lâm P**, bà **Thị R**, ông Lâm A và bà Thị Đ, ông Lâm E được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lâm A, bà Thị Đ, ông Lâm E là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lâm A, bà Thị Đ, ông Lâm E là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của ông **P** Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông P và bà Thị R chung sống vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27 ngày 03-4-2008 chung sống tự nguyện, tự tìm hiểu nhau đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ, chồng phA sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm đến nhau nên dẫn đến thường xuyên gây gổ, cãi nhau. Bà Thị R cho rằng vợ chồng hạnh phúc bình thường, do ông P không chung thủy có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên bỏ nhà đi. Căn cứ biên bản xác minh tại đại P về mâu thuẫn vợ chồng của ông P, bà Thị R có xảy ra, ông P không thể chung sống với bà Thị R nên về nhà cha mẹ ruột sống, ông P không có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác; bà Thị R không cung cấp được chứng cứ ông P chung sống với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn bà Thị R đưa ra không có căn cứ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông **P và bà Thị R** đã đến mức độ trầm trọng, không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông P yêu cầu được ly hôn với bà Thị R là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông P được ly hôn với bà Thị R.

[3] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lâm Rươn, sinh ngày 14-02-2005, Thị Đươn, sinh ngày 18-8-2002. Ông P yêu cầu giao con chung tên Lâm Rươn, sinh ngày 14-02-2005 cho bà Thị R trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; ông P không cấp dưỡng nuôi con. Bà Thị R đồng ý trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Lâm Rươn, sinh ngày 14-02-2005 và nguyện vọng của cháu Lâm Rươn nếu cha mẹ ly hôn cháu muốn sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu Lâm Rươn cho bà Thị R trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận bà Thị R không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông **Lâm P** và bà **Thị R** không yêu cầu giải quyết.

Ngày 10-5-2021, ông P rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung là tự nguyện nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung.

Ngày 04-6-2021, ông Lâm E rút yêu cầu khởi kiện độc lập là tự nguyện nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Lâm E.

Ngày 04-6-2021, anh Lâm A và chị Thị Đ rút yêu cầu khởi kiện độc lập là tự nguyện nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Lâm A và chị Thị Đ.

[6] Về án phí: Ông **P** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **Lâm P**. Ông **Lâm P** được ly hôn với bà **Thị R**.

2. Về nuôi con chung: Ông Lâm P giao con chung tên Lâm Rươn, sinh ngày 14-02-2005 cho bà Thị R trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Ghi nhận bà Thị R không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Ông P có quyền đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Con chung tên Thị Đươn, sinh ngày 18-8-2002 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông **Lâm P** và bà **Thị R** không yêu cầu giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung của anh P.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Lâm E.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Lâm A và chị Thị Đ.

4. Về án phí: Ông Lâm P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông P đã nộp theo biên lai thu số 0001534 ngày 28-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; anh P đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lâm P 3.375.000 (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0001535 ngày 28-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Hoàn trả cho ông Lâm A và bà Thị Đ 1.430.000 (một triệu bốn trăm ba mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0001814 ngày 22-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Lâm P, bà Thị R được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lâm A và bà Thị Đ, ông Lâm E được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã Tân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thu